

Số: 668^a/TB-UBND

Quận 6, ngày 25 tháng 10 năm 2018

THÔNG BÁO

**Về kết quả xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo quận 6
năm học 2018 - 2019**

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo quận 6 năm học 2018 – 2019 và của Trường Phòng Nội vụ quận 6 tại Tờ trình số 1195/TTr-NV ngày 25 tháng 10 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận 6 thông báo kết quả xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo quận 6 năm học 2018 – 2019 như sau:

- Nhu cầu tuyển dụng: 211 người.
- Số lượng người đăng ký dự tuyển: 259 người.
- Số lượng người đủ điều kiện dự tuyển: 259 người.
- Số lượng người trúng tuyển: 141 người

(Đính kèm danh sách công nhận kết quả xét tuyển)

Căn cứ Khoản 2, Điều 14 của Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi niêm yết công khai kết quả xét tuyển, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả tuyển dụng về Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo quận 6 năm học 2018 – 2019 (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 6 số 10 – 12, đường Bình Tây phường 1 quận 6, lưu ý: không thực hiện việc phúc khảo đối với nội dung phỏng vấn hoặc thực hành).

Đề nghị Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 6, Hiệu trưởng các trường có nhu cầu tuyển dụng niêm yết công khai kết quả tại trụ sở làm việc và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 6 <http://pgdquan6.hcm.edu.vn>.

Ủy ban nhân dân quận 6 thông báo kết quả xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo quận 6 năm học 2018 – 2019 đến các đơn vị liên quan và các thí sinh dự tuyển biết./. *KL*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- TT. UBND/Q6;
- Hội đồng xét tuyển viên chức;
- Hiệu trưởng các trường (theo danh sách);
- Phòng GD&ĐT quận 6;
- Phòng Nội vụ quận 6;
- Tổ tin học;
- VPUB: CPVP, TH/VX;
- Lưu.



**KẾ CHỨC CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2018 - 2019

(Đính kèm Thông báo số 668/TB-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của UBND quận 6)

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		Kết quả
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	
1	Nguyễn Thị Linh		25/03/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	69,7	69,7	90,0	319,4	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 1	Trúng tuyển
2	Từ Minh Thảo		02/09/1979	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	69,9	69,9	78,0	295,8	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 1	Không trúng tuyển
3	Nguyễn Ngọc Thùy Hai		16/07/1975	Trung cấp	Văn thư lưu trữ	80,0	83,0	88,0	339,0	Nhân viên văn thư	Trường MNRD 1	Trúng tuyển
4	Phan Thị Thanh Nga		16/08/1990	Trung cấp	Sư phạm mầm non	69,0	70,0	95,0	329,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 2	Trúng tuyển
5	Nguyễn Ngọc Thảo Vy		21/05/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	75,6	75,6	95,0	341,2	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 3	Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị Bích Hạnh		26/11/1984	Trung cấp	Văn thư lưu trữ	75,0	87,0	95,0	352,0	Nhân viên văn thư	Trường MNRD 3	Trúng tuyển
7	Nguyễn Thị Minh Thúy		29/11/1989	Trung cấp	Sư phạm Mầm non	77,0	83,0	93,5	347,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 4	Trúng tuyển
8	Quách Mỹ Tiên		10/03/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	78,0	68,0	97,0	340,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 4	Trúng tuyển
9	Nguyễn Thùy Dương		07/12/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	68,4	68,4	94,0	324,8	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 4	Trúng tuyển
10	Trần Ái Thư		12/09/1993	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	66,0	66,0	96,0	324,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 4	Trúng tuyển
11	Trần Thị Phương Vi		01/01/1991	Trung cấp	Sư phạm mầm non	84,0	85,0	77,0	323,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 4	Không trúng tuyển
12	Điệp Hoàng Anh		03/12/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	79,0	83,0	80,0	322,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 4	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
13	Tổng Thị Kim Trang		30/01/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	70,6	70,6	89,0	319,2	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 4	Không trúng tuyển
14	Trần Thị Kim Chi		07/03/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	75,6	67,0	86,0	314,6	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 4	Không trúng tuyển
15	Lê Thị Trinh		04/03/1982	Trung cấp	Văn thư Lưu trữ	67,0	83,0	94,0	338,0	Nhân viên văn thư	Trường MNIRD 4	Trúng tuyển
16	Phạm Thị Ngọc Sương		05/01/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	84,0	88,0	96,0	364,0	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 5	Trúng tuyển
17	Lê Mai Phúc Kim		21/09/1987	Trung cấp	Sư phạm mầm non	67,0	70,0	92,0	321,0	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 5	Trúng tuyển
18	Trương Cao Phương Yến		16/04/1994	Trung cấp	Sư phạm mầm non	70,0	62,0	71,0	274,0	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 5	Không trúng tuyển
19	Nguyễn Thị Hồng Ân		25/08/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	79,8	79,8	99,0	357,6	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 6	Trúng tuyển
20	Nguyễn Thị Giao Linh		02/01/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	64,7	64,7	99,0	327,4	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 6	Trúng tuyển
21	Nguyễn Thị Phương Linh		15/08/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	81,0	88,0	70,0	309,0	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 6	Không trúng tuyển
22	Lê Hoàng Trúc Mai		22/07/1979	Trung cấp	Giáo dục mầm non	66,0	79,0	Vắng	Vắng	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 6	Không trúng tuyển
23	Trần Thị Tố Duyên		28/05/1987	Trung cấp	Thư ký văn phòng	68,3	68,3	97,0	330,6	Nhân viên văn thư	Trường MNIRD 6	Trúng tuyển
24	Ngô Thị Anh Thư		02/05/1997	Trung cấp	Giáo dục mầm non	82,0	90,0	97,0	366,0	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 7	Trúng tuyển
25	Châu Thị Cẩm Tú		29/03/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	71,0	72,0	89,0	321,0	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 8	Trúng tuyển
26	Nguyễn Thị Thanh Thùy		04/04/1993	Trung cấp	Sư phạm mầm non	69,0	72,0	Vắng	Vắng	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 8	Không trúng tuyển
27	Dương Quê Chi		19/11/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	74,9	74,9	89,0	327,8	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 9	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
28	Nguyễn Kim Khánh		22/11/1991	Đại học	Sư phạm mầm non	77,0	77,0	72,0	298,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 9	Trúng tuyển
29	Lê Thị Ánh Nguyệt		25/06/1994	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	69,3	69,3	72,0	282,6	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 9	Không trúng tuyển
30	Nguyễn Ngọc Thà		28/02/1989	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	73,1	73,1	98,0	342,2	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 9A	Trúng tuyển
31	Nguyễn Thị Hồng Phúc		10/11/1970	Cao đẳng	Sư phạm mầm non	65,5	65,5	88,5	308,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 10	Trúng tuyển
32	Phan Nguyễn Phi Yến		26/10/1991	Đại học	Quốc tế học	68,4	68,4	96,0	328,8	Nhân viên văn thư	Trường MNRD 10	Trúng tuyển
33	Nguyễn Thị Huế		06/02/1994	Trung cấp	Sư phạm mầm non	75,0	87,0	97,0	356,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 11	Trúng tuyển
34	Nguyễn Thị Thùy Trang		04/02/1991	Đại học	Giáo dục mầm non	75,8	75,8	97,0	345,6	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 11	Trúng tuyển
35	Trần Thị Hằng		17/02/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	66,0	83,0	96,8	342,5	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 11	Trúng tuyển
36	Nguyễn Thụy Mỹ Duyên		18/12/1992	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	75,0	75,0	96,0	342,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 11	Trúng tuyển
37	Phan Thị Diệu Huyền		12/07/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	75,0	67,0	98,0	338,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 11	Trúng tuyển
38	Nguyễn Thị Mỹ Linh		03/11/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	74,0	74,0	87,0	322,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 11	Không trúng tuyển
39	Chiêm Thị Mỹ Chi		07/11/1988	Trung cấp	Sư phạm mầm non	67,8	53,0	89,0	298,8	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 11	Không trúng tuyển
40	Phan Thanh Văn		16/01/1988	Trung cấp	Sư phạm mầm non	84,0	68,0	Vắng	Vắng	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 11	Không trúng tuyển
41	Trần Thị Pha Lê		10/12/1988	Trung cấp	Sư phạm mầm non	81,0	83,0	93,0	350,0	Giáo viên mầm non	Trường MNRD 11A	Trúng tuyển
42	Phan Thị Ngọc Châu		24/07/1984	Trung cấp	Văn thư - Lưu trữ	76,9	85,0	89,0	339,9	Nhân viên văn thư	Trường MNRD 11A	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
43	Ông Thi Diệu Trần		08/03/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	78,4	78,4	88,5	333,8	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 12	Trúng tuyển
44	Phạm Hồng Kim Sơn		22/09/1986	Trung cấp	Giáo dục mầm non	66,0	73,0	81,0	301,0	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD 12	Không trúng tuyển
45	Đỗ Thị Huyền		25/03/1995	Dại học	Giáo dục mầm non	78,3	78,3	87,0	330,6	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD Quận 6	Trúng tuyển
46	Trần Thị Phương Diễm		12/12/1990	Dại học	Giáo dục mầm non	72,9	72,9	80,0	305,8	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD Quận 6	Trúng tuyển
47	Ngô Thị Xuân Nguyệt		23/05/1987	Trung cấp	Sư phạm mầm non	70,4	60,0	77,0	284,4	Giáo viên mầm non	Trường MNIRD Quận 6	Không trúng tuyển
48	Nguyễn Thị Ngọc Nga		11/09/1983	Cao đẳng	Kế toán	67,8	67,8	97,0	329,6	Nhân viên văn thư	Trường MNIRD Quận 6	Trúng tuyển
49	Vương Ngọc Phương Như		03/12/1993	Dại học	Giáo dục Tiểu học	71,4	71,4	83,0	308,8	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Tiên	Trúng tuyển
50	Phạm Thị Ngọc Ánh		12/12/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	72,6	72,6	66,0	277,2	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Tiên	Không trúng tuyển
51	Nguyễn Trung Hiếu	19/10/1986		Dại học	Giáo dục Tiểu học	66,4	66,4	54,0	240,8	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Bình Tiên	Không trúng tuyển
52	Nguyễn Thị Mỹ Linh		23/11/1992	Dại học	Giáo dục Tiểu học	73,0	73,0	87,0	320,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Chi Lăng	Trúng tuyển
53	A Thi Thủy Trâm		19/02/1991	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	69,7	69,7	88,5	316,4	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Chi Lăng	Trúng tuyển
54	Đào Thị Ngọc Liên		13/09/1985	Dại học	Giáo dục Tiểu học	63,2	63,2	81,0	288,4	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Chi Lăng	Trúng tuyển
55	Dương Xuân Phương		11/04/1996	Dại học	Giáo dục Tiểu học	74,8	74,8	65,0	279,6	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Chi Lăng	Không trúng tuyển
56	Bạch Thụy Quỳnh Trâm		12/03/1988	Dại học	Giáo dục Tiểu học	65,4	65,4	60,0	250,8	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Chi Lăng	Không trúng tuyển
57	Khiếu Nguyễn Tuệ Vy		15/12/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	73,5	73,5	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Chi Lăng	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
58	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		03/11/1989	Đại học	Giáo dục Tiểu học	63,7	63,7	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Chi Lăng	Không trúng tuyển
59	Đặng Thu Hiền		27/11/1971	Trung cấp	Hạch toán kế toán	65,9	82,0	86,0	319,9	Nhân viên Thủ quỹ	Trường Tiểu học Chi Lăng	Trúng tuyển
60	Ông Tấn Phát	20/11/1982		Trung cấp	Tin học ứng dụng	72,0	70,0	89,5	321,0	NV Công nghệ thông tin	Trường Tiểu học Châu Văn Liêm	Trúng tuyển
61	Huỳnh Văn Vinh	20/02/1995		Đại học	Giáo dục thể chất	72,5	72,5	95,0	335,0	GV TH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Đặng Nguyên Cẩn	Trúng tuyển
62	Trần Thị Hà		18/09/1980	Đại học	Tiếng Anh Sư phạm	60,0	63,0	94,0	311,0	GV TH Phổ cập GD	Trường Tiểu học Đặng Nguyên Cẩn	Trúng tuyển
63	La Thị Duẩn		20/09/1981	Trung cấp	Tin học	60,0	64,0	97,0	318,0	NV Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Đặng Nguyên Cẩn	Trúng tuyển
64	Trần Minh Xuân	12/04/1979		Đại học	Giáo dục Tiểu học	64,1	64,1	Vắng	Vắng	GV Tổng phụ trách	Trường Tiểu học Him Lam	Không trúng tuyển
65	Vũ Thị Thoa		01/07/1985	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	80,4	80,4	97,0	354,8	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hùng Vương	Trúng tuyển
66	Lê Trúc Ngân		22/02/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	76,9	76,9	97,0	347,8	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hùng Vương	Trúng tuyển
67	Trần Thị Xuân Chi		17/03/1985	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	78,0	78,0	77,0	310,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hùng Vương	Không trúng tuyển
68	Nguyễn Thị Vinh Hoa		11/03/1995	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	72,2	72,2	80,0	304,4	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hùng Vương	Không trúng tuyển
69	Nguyễn Hoàng Thảo Ngân		06/09/1996	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	72,2	72,2	76,0	296,4	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hùng Vương	Không trúng tuyển
70	Phạm Thị Thủy Diễm		13/03/1987	Đại học	Giáo dục Tiểu học	67,5	67,5	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Hùng Vương	Không trúng tuyển
71	Đặng Hải Đăng	14/01/1978		Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	80,0	80,0	89,0	338,0	GV Tổng phụ trách	Trường Tiểu học Lam Sơn	Trúng tuyển
72	Dương Khánh Minh Thư		04/09/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	66,8	66,8	83,5	300,6	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
73	Nguyễn Thùy Linh		10/08/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	72,8	72,8	73,5	292,6	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Trúng tuyển
74	Vô Trần Ngọc Xuyên		24/10/1993	Đại học	Giáo dục Tiểu học	65,6	65,6	44,5	220,2	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Không trúng tuyển
75	Đinh Thị Ánh		10/09/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	80,5	80,5	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Không trúng tuyển
76	Trần Lê Ngọc Trang		16/08/1992	Đại học	Giáo dục Tiểu học	72,5	72,5	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Không trúng tuyển
77	Hoàng Nguyễn Thái Hòa		03/05/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	68,9	68,9	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Không trúng tuyển
78	Vương Hoàng Đăng Khoa	02/12/1995		Cao đẳng	Sư phạm Mỹ Thuật	70,1	70,1	82,5	305,2	GV TH dạy Mỹ thuật	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Trúng tuyển
79	Nguyễn Thị Ngọc Luyện		1992	Cao đẳng	Sư Phạm Âm Nhạc	65,8	65,8	70,0	271,6	GV TH dạy Âm nhạc	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Trúng tuyển
80	Phan Thị Hằng		28/11/1996	Đại học	Giáo dục thể chất	83,7	83,5	45,5	258,2	GV TH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Không trúng tuyển
81	Chu Thị Ngọc Hà		30/08/1975	Đại học	Giáo dục Tiểu học	64,5	64,5	51,5	232,0	GV TH Phó cấp GD	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Trúng tuyển
82	Phạm Thị Thủy Dương		05/10/1991	Trung cấp	Văn thư-Lưu trữ	75,0	75,0	88,5	327,0	NV Văn thư	Trường Tiểu học Lê Văn Tấn	Trúng tuyển
83	Phan Minh Nhật	04/10/1996		Đại học	Giáo dục Tiểu học	81,7	81,7	95,5	354,4	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Trúng tuyển
84	Nguyễn Cao Ngọc Thi		16/12/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	72,0	72,0	90,5	325,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Trúng tuyển
85	Huỳnh Lê Như Phúc		10/09/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	76,1	76,1	85,0	322,2	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Trúng tuyển
86	Đoàn Thị Quỳnh Trân		21/10/1997	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	74,0	75,0	82,5	314,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Trúng tuyển
87	Vương Hoàng Tuấn	05/05/1982		Đại học	Giáo dục Tiểu học	66,8	66,8	69,0	271,6	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
88	Hoàng Thị Yến Nhi		21/05/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	78,1	78,1	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Không trúng tuyển
89	Lâm Thị Cẩm Loan		16/04/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	86,5	86,5	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Không trúng tuyển
90	Đoàn Thị Thanh Thúy		06/04/1983	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	66,0	66,0	89,5	311,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nhật Tảo	Trúng tuyển
91	Lê Thị Hoàng Yến		20/07/1996	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	71,0	71,0	67,0	276,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nhật Tảo	Trúng tuyển
92	Đoàn Thị Thanh Vân		31/05/1990	Trung cấp	Sư phạm tiểu học	76,0	76,0	50,5	253,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nhật Tảo	Không trúng tuyển
93	Đoàn Phương Thanh Thúy		17/09/1990	Đại học	Giáo dục Tiểu học	64,3	64,3	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nhật Tảo	Không trúng tuyển
94	Nguyễn Thị Bích Yến		16/08/1991	Cao đẳng	Thư viện thông tin	73,8	73,8	95,0	337,6	NV Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Nhật Tảo	Trúng tuyển
95	Trần Huệ Nguyễn		14/08/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	69,5	69,5	86,5	312,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Thiện Thuật	Trúng tuyển
96	Nguyễn Văn Phúc	25/10/1984		Đại học	Giáo dục Tiểu học	80,6	80,6	76,5	314,2	GV TH dạy Thê dục	Trường Tiểu học Nguyễn Thiện Thuật	Trúng tuyển
97	Trần Ngọc Nhi		06/06/1997	Trung cấp	Thư viện - Thiết bị trường học	70,0	70,0	94,0	328,0	NV Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Nguyễn Thiện Thuật	Trúng tuyển
98	Đinh Thị Hồng Linh		12/12/1995	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	61,5	61,5	83,0	289,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Luông	Trúng tuyển
99	Nguyễn Phước Uyên		16/02/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	89,5	89,5	90,0	359,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Trúng tuyển
100	Lê Anh Thư		19/04/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	82,4	82,4	90,0	344,8	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Trúng tuyển
101	Đỗ Thị Ái Như		04/04/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	73,7	73,7	80,0	307,4	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Trúng tuyển
102	Lê Hoàng Phúc	02/11/1997		Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	72,6	72,6	70,0	285,2	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả	
103	Tiền Kim Ngân		16/08/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	70,8	70,8	70,0	281,6	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Không trúng tuyển	
104	Hà Châu Hương Quỳnh		05/04/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	68,3	68,3	70,0	276,6	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Không trúng tuyển	
105	Lê Thị Tiến		20/12/1983	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	73,4	73,4	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Không trúng tuyển	
106	Ngô Hoàng Thanh Thu		30/06/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	79,7	79,7	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Không trúng tuyển	
107	Tô Thị Hồng Liên		25/09/1997	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc	67,9	67,9	90,0	315,8	GV TH dạy Âm nhạc	Trường Tiểu học Phú Định	Trúng tuyển	
108	Cao Nguyễn Thiện Kiều		30/10/1994	Đại học	Quản lý Giáo dục	69,7	69,7	90,0	319,4	NV Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Phú Định	Trúng tuyển	
109	Ngô Hồng Phi Yên		18/01/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	79,4	79,4	95,0	348,8	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Trúng tuyển	
110	Lê Nguyễn Tường Vy		26/08/1990	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	69,0	68,0	54,0	245,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phú Định	Không trúng tuyển	
111	Nguyễn Hồng Hưng	12/09/1986		Đại học	Giáo dục Tiểu học	62,5	62,5	46,0	217,0	GV Tổng phụ trách	Trường Tiểu học Phú Định	Không trúng tuyển	
112	Ngô Thị Lệ		15/10/1968	Đại học	Giáo dục Tiểu học	59,2	59,2	69,0	256,4	GV Phó cấp GD	Trường Tiểu học Phú Định	Trúng tuyển	
113	Nguyễn Thị Tâm Phúc		24/12/1977	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng	64,6	64,6	95,5	320,2	NV Văn thư	Trường Tiểu học Phú Định	Trúng tuyển	
114	Nguyễn Minh Trang	10/06/1985		Trung cấp	Sư phạm Âm Nhạc	65,0	70,0	78,0	291,0	GV TH dạy Âm nhạc	Trường Tiểu học Phú Lâm	Trúng tuyển	
115	Chung Thị Ngọc Xuân		12/09/1993	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	60,8	60,8	87,0	295,6	GV TH dạy Tiếng Anh	Trường Tiểu học Phú Lâm	Trúng tuyển	
116	Phan Nhật Phương	22/06/1987		Đại học	Giáo dục thể chất	69,0	69,0	66,0	270,0	GV TH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Phú Lâm	Trúng tuyển	
117	Đậu Thị Hạnh		24/08/1978	Đại học	Giáo dục Tiểu học	64,9	70,0	57,0	248,9	GV TH Phó cấp GD	Trường Tiểu học Phú Lâm	Trúng tuyển	

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
118	Nguyễn Trần Hồng Nghi		14/10/1992	Cao đẳng	Tài chính - Ngân hàng	61,4	61,4	69,0	260,8	NV Thủ quỹ	Trường Tiểu học Phú Lâm	Trúng tuyển
119	Phan Thị Thúy Vân		19/11/1973	Trung cấp	Thư viện - Thông tin	85,0	85,0	78,5	327,0	NV Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Phú Lâm	Trúng tuyển
120	Nguyễn Ngọc Oanh		20/09/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	77,6	77,6	96,25	347,7	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Trúng tuyển
121	Nguyễn Thị Thu Anh		10/02/1985	Đại học	Giáo dục Tiểu học	69,5	69,5	96,5	332,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Trúng tuyển
122	Nguyễn Thị Vân Anh		17/08/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	72,1	72,1	93,5	331,2	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Không trúng tuyển
123	Đỗ Mộng Sơn Tuyền		16/04/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	76,8	76,8	73,0	299,6	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Không trúng tuyển
124	Giang Ngọc Yến		04/11/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	69,5	69,5	74,0	287,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Không trúng tuyển
125	Lương Thị Hiền		12/10/1985	Đại học	Giáo dục thể chất-GD Quốc phòng	75,1	75,1	62,5	275,2	GV TH dạy Thể dục	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Trúng tuyển
126	Phạm Trung Hải	09/06/1992		Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	66,0	66,0	90,0	312,0	GV Tổng phụ trách	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Trúng tuyển
127	Lý Hồng Bảo Ngọc		05/07/1984	Trung cấp	Kế toán-Tin học	56,7	56,7	95,75	304,9	NV Thủ quỹ	Trường Tiểu học Phạm Văn Chí	Trúng tuyển
128	Lại Thị Hương		21/06/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	73,3	73,3	86,0	318,6	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Trúng tuyển
129	Dương Mộng Liễu		15/07/1982	Đại học	Giáo dục Tiểu học	63,1	63,1	87,5	301,2	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Trúng tuyển
130	Liêu Thị Hồng Thanh		21/03/1987	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	73,0	73,0	75,0	296,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Trúng tuyển
131	Nguyễn Thị Diệu Hiền		09/10/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	74,6	74,6	70,0	289,2	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Không trúng tuyển
132	Lê Thị Kim Ngân		04/03/1995	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	74,0	74,0	68,0	284,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
133	Đoàn Thị Quỳnh Châu		21/10/1997	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	75,0	75,0	64,0	278,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Không trúng tuyển
134	Lê Nguyễn Thùy Duyên		14/05/1995	Dại học	Giáo dục Tiểu học	70,6	70,6	61,5	264,2	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Không trúng tuyển
135	Đặng Thị Mỹ Chi		01/04/1994	Trung cấp	Sư phạm Tiểu học	74,0	74,0	58,0	264,0	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Không trúng tuyển
136	Nguyễn Lê Phương Trúc		07/06/1997	Cao đẳng	Giáo dục Tiểu học	64,0	64,0	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Không trúng tuyển
137	Trần Thị Kim Huệ		26/03/1995	Dại học	Giáo dục Tiểu học	75,2	75,2	Vắng	Vắng	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Trương Công Định	Không trúng tuyển
138	Phạm Thị Hồng Linh		22/04/1985	Dại học	Địa Lý Du Lịch	73,6	73,6	85,0	317,2	NV Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Trương Công Định	Trúng tuyển
139	Lê Thị Thuý Ngân		29/04/1995	Dại học	Giáo dục Tiểu học	71,1	71,1	97,75	337,7	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Trúng tuyển
140	Võ Ngọc Xuân		06/06/1995	Dại học	Giáo dục Tiểu học	73,4	73,4	95,0	336,8	GV TH dạy nhiều môn	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Không trúng tuyển
141	Bạch Trà Giang		18/05/1977	Trung cấp	Giáo viên Mầm non	77,0	77,0	96,5	347,0	NV Văn thư	Trường Tiểu học Võ Văn Tần	Trúng tuyển
142	Nguyễn Cao Cường	17/06/1993		Dại học (Thạc sĩ)	Toán-Tin học	81,4	81,4	92,0	346,8	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Trúng tuyển
143	Ngô Thị Thương		12/10/1985	Dại học	Sư phạm Toán học	75,1	75,1	98,0	346,2	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Trúng tuyển
144	Nguyễn Hồng Khương		23/09/1983	Dại học	Sư phạm Toán học	68,2	68,2	85,0	306,4	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
145	Hà Vĩnh Lợi	15/07/1992		Dại học	Sư phạm Toán học	70,4	70,4	80,0	300,8	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
146	Trương Thị Đào		17/07/1979	Dại học	Toán	67,2	65,0	78,0	288,2	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
147	Trương Thị Phương Hằng		08/01/1993	Dại học	Toán-Tin học	77,5	77,5	60,0	275,0	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
148	Lê Trọng Cầu	29/01/1990		Đại học	Sư phạm Toán học	58,7	58,7	75,0	267,4	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
149	Trịnh Thị Thu Hương		11/07/1982	Đại học	Sư phạm Toán học	59,9	59,9	65,0	249,8	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
150	Lê Thị Cẩm Tú		05/01/1980	Đại học	Sư phạm Toán học	64,5	64,5	60,0	249,0	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
151	Trần Thị Thoa		26/03/1993	Đại học (Thạc sĩ)	Sư phạm Toán học	73,5	73,5	Vắng	Vắng	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
152	Đặng Thị Yến		20/03/1996	Đại học	Sư phạm Toán học	70,0	70,0	Vắng	Vắng	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
153	Trần Thị Thúy Quyên		02/06/1995	Đại học	Sư phạm Toán học	86,5	86,5	Vắng	Vắng	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
154	Võ Thụy Thùy Châu		02/05/1995	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	74,7	74,7	Vắng	Vắng	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
155	Vũ Quang Bích	14/04/1981		Đại học	Sư phạm Sinh-KTNN	64,2	77,0	100,0	341,2	GV THCS dạy Sinh học	Trường THCS Bình Tây	Trúng tuyển
156	Nguyễn Thanh Tiến	09/03/1995		Đại học	Sư phạm Địa lý	78,9	78,9	Vắng	Vắng	GV THCS dạy Địa lý	Trường THCS Bình Tây	Không trúng tuyển
157	Mạch Quốc Minh Thi		28/05/1996	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	76,7	76,7	80,0	313,4	GV THCS dạy Tiếng Anh	Trường THCS Bình Tây	Trúng tuyển
158	Lê Văn Xuân	03/10/1991		Đại học	Sư phạm Vật lý	65,1	65,1	90,0	310,2	GV Tổng phụ trách	Trường THCS Bình Tây	Trúng tuyển
159	Hoàng Thị Xuân Anh		03/11/1994	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	74,6	74,6	60,0	269,2	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Kết	Trúng tuyển
160	Nguyễn Thị Thu Hằng		03/01/1987	Đại học	Lưu trữ & Quản trị văn phòng	72,2	72,2	85,0	314,4	NV thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Hậu Giang	Trúng tuyển
161	Lê Thị Ngọc Trâm		16/04/1994	Cao đẳng	Khoa học thư viện	67,4	67,4	95,0	324,8	NV Thư viện	Trường THCS Hậu Giang	Trúng tuyển
162	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		01/09/1986	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	77,1	77,1	78,5	311,2	GV THCS dạy Tiếng Anh	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
163	Trần Minh Mẫn	28/02/1987		Đại học	Ngữ văn Anh	66,7	66,7	76,5	286,4	GV THCS dạy Tiếng Anh	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Trúng tuyển
164	Dương Trúc Mai		15/07/1997	Cao đẳng	Giáo dục công dân	72,2	72,2	83,5	311,4	GV THCS dạy GDCD	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Trúng tuyển
165	Nguyễn Thị Thùy Trang		10/06/1996	Cao đẳng	Giáo dục công dân	71,0	71,0	67,5	277,0	GV THCS dạy GDCD	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Không trúng tuyển
166	Hoỳnh Thị Tuyết Mai		17/09/1997	Cao đẳng	Giáo dục công dân	73,5	73,5	Vắng	Vắng	GV THCS dạy GDCD	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Không trúng tuyển
167	Hồ Hoàn Việt	07/01/1995		Cao đẳng	Giáo dục công dân	73,2	73,2	Vắng	Vắng	GV THCS dạy GDCD	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Không trúng tuyển
168	Nguyễn Thị Thanh Nhân		20/05/1993	Cao đẳng	Cao đẳng sư phạm KT nông nghiệp	72,9	72,9	76,5	298,8	GV THCS dạy KT nông nghiệp	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Trúng tuyển
169	Lê Hữu Tài	16/01/1997		Cao đẳng	Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp	68,0	68,0	70,0	276,0	GV THCS dạy KT nông nghiệp	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Không trúng tuyển
170	Nguyễn Thị Thùy Trang		14/03/1996	Cao đẳng	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	64,7	64,7	Vắng	Vắng	GV THCS dạy KT nông nghiệp	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Không trúng tuyển
171	Trần Thị Hiền		14/03/1993	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	71,6	71,6	78,0	299,2	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Trúng tuyển
172	Lê Quỳnh Anh		05/11/1995	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	71,8	71,8	75,0	293,6	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Không trúng tuyển
173	Nguyễn Thị Thùy Linh		20/08/1994	Đại học	Sư phạm Sinh học	71,9	71,9	82,0	307,8	GV THCS dạy Sinh học	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Trúng tuyển
174	Trần Thị Thu		20/09/1983	Trung cấp	Kế toán Tổng hợp	57,0	57,0	84,0	282,0	NV Thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Hoàng Lê Kha	Trúng tuyển
175	Nguyễn Thị Anh Thư		12/04/1995	Đại học	Sư phạm Vật Lý	82,8	82,8	91,5	348,6	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
176	Phạm Thị Huyền Trang		05/01/1991	Đại học	Sư phạm Vật Lý	70,2	70,2	94,0	328,4	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
177	Nguyễn Thiên Hùng	16/12/1997		Cao đẳng	Sư phạm Vật Lý	78,1	78,1	80,0	316,2	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
178	Hứa Thị Kim Linh		26/03/1993	Đại học	Sư Phạm Vật Lý	72,7	72,7	75,5	296,4	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
179	Ngô Thị Thanh Toán		16/10/1991	Đại học	Sư phạm Vật Lý	73,2	73,2	67,0	280,4	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
180	Đoàn Thị Hà Vi		11/02/1993	Đại học	Sư phạm Vật Lý	67,3	67,3	66,0	266,6	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
181	Trần Hữu Phát	22/07/1994		Đại học	Sư phạm Vật Lý	71,7	71,7	60,0	263,4	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
182	Hồ Hữu Tuấn	01/08/1992		Đại học	Sư phạm Vật Lý	74,6	74,6	50,0	249,2	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
183	Trần Thị Hồng Hải		05/02/1993	Đại học	Sư phạm Vật Lý	68,3	68,3	50,0	236,6	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
184	Trần Đình Dắc	26/03/1996		Đại học	Sư phạm Vật lý	67,0	67,0	50,0	234,0	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
185	Trần Việt Cánh	16/06/1996		Cao đẳng	Sư phạm Vật Lý	77,5	77,5	39,0	233,0	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
186	Hồ Thị Huệ Thanh		03/09/1994	Cao đẳng	Sư phạm Vật Lý	70,3	70,3	35,0	210,6	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
187	Dương Thị Mỹ Tiên		19/02/1995	Cao đẳng	Sư phạm Vật Lý	70,2	70,2	35,0	210,4	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
188	Dương Hoàng Bích Thuận		03/10/1992	Đại học (Thạc sĩ)	Toán-Tin học	85,7	85,7	79,0	329,4	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
189	Nguyễn Phát Thịnh	09/12/1996		Cao đẳng	Sư phạm Toán học	81,2	81,2	76,0	314,4	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
190	Đặng Thị Hải Xuyên		09/10/1995	Cao đẳng	Sư phạm Toán Lý	79,8	79,8	58,0	275,6	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
191	Đặng Thị Bích Tuyền		22/03/1995	Đại học	Sư phạm Toán học	73,9	73,9	60,0	267,8	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
192	Nguyễn Thanh Mai		15/09/1996	Đại học	Sư phạm Toán học	73,3	73,3	60,0	266,6	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (tập (tập số 1)	Điểm tốt nghiệp (tập (tập số 1)	Điểm sát hạch (tập (tập số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
193	Cao Thu Nga		01/05/1990	Dại học	Sư phạm Ngữ văn	83,0	83,0	77,0	320,0	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
194	Trần Thị Bích Nhuận		02/03/1992	Dại học	Sư phạm Ngữ văn	79,6	79,6	75,0	309,2	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
195	Nguyễn Thị Kim Tuyền		15/06/1993	Cao đẳng	Sư Phạm Kỹ thuật Công nghiệp	71,6	71,6	77,0	297,2	GV THCS dạy KT công nghiệp	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
196	Nguyễn Xuân Định	12/03/1983		Cao đẳng	Sư Phạm Kỹ thuật Công nghiệp	71,5	71,5	45,0	233,0	GV THCS dạy KT công nghiệp	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
197	Sầm Thị Thanh Hương		10/09/1994	Cao đẳng	Sư Phạm Kỹ thuật Công nghiệp	65,9	65,9	41,0	213,8	GV THCS dạy KT công nghiệp	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
198	Trần Thạch Thảo	02/1/1991		Cao đẳng	Sư Phạm Kỹ thuật Công nghiệp	61,8	61,8	Vắng	Vắng	GV THCS dạy KT công nghiệp	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
199	Phan Thị Mộng Linh		24/03/1985	Dại học	Ngữ văn Anh	70,2	70,2	66,0	272,4	GV THCS dạy Tiếng Anh	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
200	Phan Thị Quỳnh Hương		16/08/1990	Dại học	Tiếng Anh	75,7	75,7	26,0	203,4	GV THCS dạy Tiếng Anh	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
201	Lương Thị Hương		12/11/1996	Dại học	Giáo dục thể chất	77,3	77,3	75,0	304,6	GV THCS dạy Thể dục	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
202	Lê Đức Lân	12/02/1994		Dại học	Giáo dục thể chất	73,1	73,1	70,0	286,2	GV THCS dạy Thể dục	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
203	Lê Thanh Tuấn	06/04/1985		Dại học	Giáo dục thể chất	76,2	76,2	60,0	272,4	GV THCS dạy Thể dục	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
204	Phạm Tấn Phong	26/07/1993		Dại học	Giáo dục thể chất	72,5	72,5	55,0	255,0	GV THCS dạy Thể dục	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
205	Nguyễn Trung Kiên	04/11/1992		Dại học	Giáo dục thể chất	75,2	75,2	Vắng	Vắng	GV THCS dạy Thể dục	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
206	Đoàn Tân	10/10/1993		Dại học	Giáo dục chính trị	74,3	74,3	78,0	304,6	GV THCS dạy GD&CD	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
207	Trần Thị Hiền		15/07/1990	Dại học	GD chính trị - Giáo dục quốc phòng	80,1	80,1	65,0	290,2	GV THCS dạy GD&CD	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm cốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
208	Nguyễn Thị Sương		15/01/1996	Đại học	Giáo dục chính trị	73,7	73,7	65,0	277,4	GV THCS dạy GDCD	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
209	Trương Minh Khánh	18/02/1994		Cao đẳng	Giáo dục công dân	63,0	63,0	60,0	246,0	GV THCS dạy GDCD	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
210	Nguyễn Công Mãi	20/06/1994		Đại học	Sư phạm Địa lý	73,4	73,4	83,0	312,8	GV THCS dạy Địa lý	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
211	Nguyễn Thị Mơ		01/02/1996	Đại học	Sư phạm Sinh học	69,0	69,0	75,0	288,0	GV THCS dạy Sinh học	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
212	Bùi Nguyễn Bảo Tuyển	23/02/1994		Đại học	Giáo dục thể chất	70,5	70,5	75,0	291,0	GV Tổng phụ trách	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
213	Nguyễn Bình An	22/02/1979		Đại học	Công nghệ thông tin	70,0	70,0	Vắng	Vắng	GV THCS dạy Tin học	Trường THCS Lam Sơn	Không trúng tuyển
214	Trần Kim Ngân		23/03/1975	Trung cấp	Văn thư lưu trữ	84,0	93,0	95,0	367,0	NV Văn thư	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
215	Trần Thị Thanh Thủy		15/01/1989	Trung cấp	Kế toán	61,0	75,0	95,0	326,0	NV thiết bị, thí nghiệm	Trường THCS Lam Sơn	Trúng tuyển
216	Nguyễn Trần Đan Phương		21/07/1997	Cao đẳng	Sư phạm Địa lý	77,2	77,2	89,0	332,4	GV THCS dạy Địa lý	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Trúng tuyển
217	Võ Thị Trúc Anh		24/01/1995	Cao đẳng	Sư phạm Địa lý	72,6	72,6	61,0	267,2	GV THCS dạy Địa lý	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Không trúng tuyển
218	Lê Thị Vĩnh Linh		14/12/1988	Đại học	Ngữ văn Anh	63,1	63,1	81,0	288,2	GV THCS dạy Tiếng Anh	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Trúng tuyển
219	Trịnh Thị Mỹ Linh		22/08/1984	Đại học	Sư phạm Anh văn	60,2	60,2	57,5	235,4	GV THCS dạy Tiếng Anh	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Trúng tuyển
220	Dương Thị Hương Giang		20/12/1993	Đại học	Sư phạm Toán học	76,4	76,4	93,0	338,8	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Trúng tuyển
221	Lê Hoàng Minh	30/12/1996		Cao đẳng	Sư phạm Toán học	78,7	78,7	87,0	331,4	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Không trúng tuyển
222	Đỗ Thị Nhân		09/11/1992	Đại học	Sư phạm Toán học	74,4	74,4	77,5	303,8	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
223	Lê Thị Thanh Quyên		20/04/1991	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	82,5	82,5	63,5	292,0	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Không trúng tuyển
224	Phan Hiếu Thiện	28/07/1982		Cao đẳng	Toán - Tin	69,5	82,5	67,5	287,0	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Không trúng tuyển
225	Hứa Nguyễn Phái	01/01/1996		Cao đẳng	Sư phạm Toán học	75,7	75,7	67,5	286,4	GV THCS dạy Toán	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Không trúng tuyển
226	Lê Thị Thanh Tuyền		29/07/1982	Dại học	Công nghệ thông tin	72,8	72,8	86,5	318,6	NV Công nghệ thông tin	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Trúng tuyển
227	Đinh Thị Kiều Trang		01/02/1983	Trung cấp	Thư viện	81,0	81,0	93,0	348,0	NV Thư viện	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Trúng tuyển
228	Nguyễn Hồng Thanh		24/09/1982	Dại học	Quản trị Kinh doanh	69,0	69,0	88,0	314,0	NV Văn thư	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh	Trúng tuyển
229	Phạm Thị Loan		13/07/1996	Dại học	Sư phạm vật lý	72,6	72,6	85,0	315,2	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Lương	Trúng tuyển
230	Đỗ Thị Tuyết		18/12/1991	Dại học	Sư phạm Vật Lý	71,8	71,8	72,0	287,6	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Nguyễn Văn Lương	Không trúng tuyển
231	Nguyễn Thị Bé		20/07/1990	Dại học	Văn học	76,0	76,0	88,0	328,0	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Văn Lương	Trúng tuyển
232	Bùi Thị Bích Tuyền		20/05/1987	Dại học	Sư phạm Ngữ Văn	63,3	63,3	88,0	302,6	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Văn Lương	Trúng tuyển
233	Nguyễn Ngọc Như Thảo		28/08/1995	Dại học	Sư phạm Ngữ văn	68,7	68,7	55,0	247,4	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Văn Lương	Không trúng tuyển
234	Lê Thị Diễm Mỹ		07/02/1995	Dại học	Sư phạm Ngữ Văn	79,7	79,7	Vắng	Vắng	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Văn Lương	Không trúng tuyển
235	Võ Anh Tuấn	30/12/1995		Dại học	Sư phạm Sinh học	66,3	66,3	80,0	292,6	GV THCS dạy Sinh học	Trường THCS Nguyễn Văn Lương	Trúng tuyển
236	Lữ Thị Bích Xuyên		07/05/1993	Dại học	Sư phạm Ngữ Văn	68,9	68,9	85,0	307,8	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Phạm Đình Hổ	Trúng tuyển
237	Ngô Thị Kiều Trang		16/09/1996	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ Văn	70,9	70,9	50,0	241,8	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Phạm Đình Hổ	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
238	Nguyễn Thị Phú		02/10/1995	Cao đẳng	Sư phạm Sinh học	74,7	74,7	88,0	325,4	GV THCS dạy Sinh học	Trường THCS Phạm Đình Hồ	Trúng tuyển
239	Vũ Kim Loan		04/07/1996	Đại học	Sư phạm Lịch sử	77,6	77,6	88,0	331,2	GV THCS dạy Lịch sử	Trường THCS Phạm Đình Hồ	Trúng tuyển
240	Nguyễn Thị Thanh Bạch		12/08/1994	Đại học	Sư phạm Lịch sử	72,0	72,0	65,0	274,0	GV THCS dạy Lịch sử	Trường THCS Phạm Đình Hồ	Không trúng tuyển
241	Đỗ Thị Mỹ Hồng		06/11/1995	Cao đẳng	Sư phạm Lịch sử	68,9	68,9	50,0	237,8	GV THCS dạy Lịch sử	Trường THCS Phạm Đình Hồ	Không trúng tuyển
242	Nguyễn Tiến Phong	02/08/1996		Cao đẳng	Sư Phạm Vật Lý	68,9	68,9	88,0	313,8	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Phạm Đình Hồ	Trúng tuyển
243	Võ Nguyễn Hà Vy Hà		20/05/1996	Cao đẳng	Sư phạm Vật lý	74,3	74,3	75,0	298,6	GV THCS dạy Vật lý	Trường THCS Phạm Đình Hồ	Không trúng tuyển
244	Phạm Minh Nhật	03/10/1989		Đại học	Ngữ văn Anh	70,8	70,8	85,5	312,6	GV THCS dạy Tiếng Anh	Trường THCS Phú Định	Trúng tuyển
245	Nguyễn Đức Duy	07/07/1994		Cao đẳng	Sư phạm âm nhạc	75,3	75,3	83,0	316,6	GV THCS dạy Âm nhạc	Trường THCS Phú Định	Trúng tuyển
246	Phạm Văn Tiến	16/12/1991		Cao đẳng	Sư Phạm Văn - Địa	74,4	74,4	74,25	297,3	GV THCS dạy Địa lý	Trường THCS Phú Định	Trúng tuyển
247	Trương Thị Thanh		20/02/1992	Đại học	Sư phạm Địa lý	68,2	68,2	76,0	288,4	GV THCS dạy Địa lý	Trường THCS Phú Định	Trúng tuyển
248	Huỳnh Hoàng Huy	25/07/1994		Cao đẳng	Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	68,1	68,1	75,0	286,2	GV THCS dạy KT Công nghiệp	Trường THCS Phú Định	Trúng tuyển
249	Vũ Thị Hồng		16/09/1995	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	75,5	75,5	74,0	299,0	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Phú Định	Trúng tuyển
250	Lê Thị Kim Vinh		13/04/1972	Đại học	Lịch Sử	74,5	74,5	78,5	306,0	GV THCS dạy Lịch sử	Trường THCS Phú Định	Trúng tuyển
251	Trần Thị Yến Nhi		15/09/1996	Đại học	Sư phạm Lịch sử	76,6	76,6	74,75	302,7	GV THCS dạy Lịch sử	Trường THCS Phú Định	Không trúng tuyển
252	Nguyễn Văn Tấn	23/08/1995		Đại học	Sư phạm Lịch sử	76,1	76,1	74,0	300,2	GV THCS dạy Lịch sử	Trường THCS Phú Định	Không trúng tuyển

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm học tập (Hệ số 1)	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 1)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển		
		Nam	Nữ							Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả
253	Nguyễn Văn Phước	15/08/1992		Đại học	Sư phạm Lịch sử	70,0	70,0	76,0	292,0	GV THCS dạy Lịch sử	Trường THCS Phú Định	Không trúng tuyển
254	Huỳnh Hồng Hữu Phúc	04/10/1984		Đại học	Sư phạm Lịch sử	74,9	74,9	Vắng	Vắng	GV THCS dạy Lịch sử	Trường THCS Phú Định	Không trúng tuyển
255	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		16/03/1992	Cao đẳng	Thư viện Thông tin	75,6	75,6	80,0	311,2	NV Thư viện	Trường THCS Phú Định	Trúng tuyển
256	Kha Ngọc Xuân		02/12/1980	Đại học	Công nghệ thông tin	67,1	67,1	95,0	324,2	NV Văn thư	Trường THCS Phú Định	Trúng tuyển
257	Mai Thị Kiều Vân		21/12/1994	Đại học	Sư phạm Sinh học	67,5	67,5	84,0	303,0	GV THCS dạy Sinh học	Trường THCS Văn Thân	Trúng tuyển
258	Ngô Thị Anh		12/01/1988	Đại học	Ngữ văn	65,3	65,3	66,0	262,6	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Văn Thân	Trúng tuyển
259	Phan Bảo Nguyễn	05/04/1990		Đại học	Sư phạm Ngữ văn	70,3	70,3	54,0	248,6	GV THCS dạy Ngữ văn	Trường THCS Văn Thân	Không trúng tuyển

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6